

Số: 37/2018/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 04 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 560/TTr-STC ngày 25 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (gọi tắt là hệ số K) trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Hệ số K quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng; xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2. Hệ số K quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng đối với các trường hợp tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và thay thế Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- UBND các huyện/thành phố;
- Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Trung tâm thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

TT	Khu vực	Hệ số điều chỉnh (K)	
		Đất ở và Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp
1	Thành phố Hà Giang:		
a	Các phường	2.7	1.0
b	Các xã còn lại (trừ xã Phương Độ thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy)	1.8	1.0
2	Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang:		
a	Các thị trấn: Vị Xuyên, Việt Lâm, Việt Quang, Vĩnh Tuy	2.0	1.0
b	Các xã còn lại và Khu CN Bình vàng (trừ các xã: Thanh Thủy, Thanh Đức, Lao Chải, Xín Chải, Phương Tiến, Phong Quang thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy)	1.6	1.0
3	Các huyện còn lại:		
a	Khu vực Thị trấn	1.8	1.0
b	Đất khu, cụm công nghiệp	1.6	1.0
c	Các xã còn lại	1.4	1.0
4	Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy:		
a	Khu Cửa khẩu và Khu hành chính xã Thanh Thủy	1.5	1.0
b	Các khu vực còn lại	1.3	1.0

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số:37/2018/QĐ-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

TT	Khu vực	Hệ số điều chỉnh (K)	
		Đất ở và Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp
1	Thành phố Hà Giang:		
a	Các phường	1.5	1.0
b	Các xã còn lại (trừ xã Phương Độ thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy)	1.3	1.0
2	Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang:		
a	Các thị trấn: Vị Xuyên, Việt Lâm, Việt Quang, Vĩnh Tuy	1.4	1.0
b	Các xã còn lại và Khu CN Bình vàng (trừ các xã: Thanh Thủy, Thanh Đức, Lao Chải, Xín Chải, Phương Tiến, Phong Quang thuộc khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy)	1.2	1.0
3	Các huyện còn lại:		
a	Khu vực Thị trấn	1.3	1.0
c	Các xã còn lại	1.1	1.0
4	Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy:		
a	Khu Cửa khẩu và Khu hành chính xã Thanh Thủy	1.3	1.0
b	Các khu vực còn lại	1.1	1.0